

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2021

V/v: Bà Trần Thị L xin ly hôn

ông Lê Xuân K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiền.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1949;

Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố HĐ, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Lê Xuân K**, sinh năm 1951;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bà L, ông K đều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:***

Bà và ông Lê Xuân K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 10 năm 1977 tại UBND Hành chính thị xã Thái Bình (nay là UBND thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn cuộc sống chung giữa bà và ông K không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng do không phù hợp quan điểm. Khoảng năm 1990 bà chuyển vào Đồng Nai sinh sống, ông K vẫn ở tại Thái Bình, ông bà sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã có thời gian dài sống ly thân, cuộc sống chung không còn ràng buộc, bà xin ly hôn ông K.

Bà và ông Lê Xuân K có hai con chung là Lê Hữu Kh, sinh năm 1978 và Lê Thị Hồng H, sinh năm 1983. Đối với con Kh đã chết năm 2009 do tai nạn giao thông. Đối với con H đã trưởng thành, có sức khỏe tốt, có công việc, có cuộc sống riêng độc lập tại Hà Nội. Do đó, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Bà và ông Lê Xuân K không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Bà là người cao tuổi, do đó bà đề nghị Tòa án miễn nộp tiền án phí ly hôn. Và do điều kiện bà ở xa, sức khỏe không tốt, bà đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 25 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Xuân K trình bày:***

Ông và bà Trần Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 10 năm 1977 tại UBND Hành chính thị xã Thái Bình (nay là UBND thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn cuộc sống chung giữa ông và bà L không hạnh phúc do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân hơn 30 năm nay. Ông ở tại quê ở V, Thái Bình. Bà L vào Đồng Nai ở với con trai, rồi năm 2009 khi con trai chết, bà L vẫn ở trong đó với cháu, không về. Nay bà L xin ly hôn ông, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, do vậy, ông đồng ý theo đơn của bà L, ông thuận tình ly hôn.

Ông và bà Trần Thị L có hai con chung là Lê Hữu Kh, sinh năm 1978, đã chết năm 2009 và con Lê Thị Hồng H, sinh năm 1983, đã trưởng thành, xây dựng

gia đình, hiện đang làm việc, sinh sống tại Hà Nội, sức khỏe tốt. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Ông và bà Trần Thị L không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Ông đã trên 70 tuổi, sức khỏe không được tốt do ông bị tai biến nhẹ, việc đi lại khó khăn, ông xin được miễn nộp tiền án phí ly hôn (nếu phải nộp), đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14: Xử cho ly hôn giữa bà L và ông K. Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn ông Lê Xuân K, ông K có nơi cư trú tại thôn Q, xã Hòa Bình, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 208, Điều 209, Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của bà Trần Thị L, ông

Lê Xuân K, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Trần Thị L và ông Lê Xuân K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt bà L, ông K.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lê Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UB Hành chính thị xã Thái Bình (nay là UBND thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 641, ngày 17 tháng 10 năm 1977, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa bà L, ông K là có. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và ông bà đã có thời gian sống ly thân hơn 30 năm, chấm dứt mọi quan hệ. Nay cả bà L và ông K đều xác định tình cảm không còn, ông bà thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L, ông K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa bà L và ông K.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị L và ông Lê Xuân K có hai con chung là Lê Hữu Kh, sinh năm 1978 và Lê Thị Hồng H, sinh năm 1983. Xét thấy, con Kh đã chết, con H đã thành niên, sức khỏe tốt, có công việc và có cuộc sống riêng độc lập, bà L, ông K không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà Trần Thị L, ông Lê Xuân K đều xác định ông bà không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, ông bà không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xét thấy, bà L là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị được miễn án phí, do đó, bà L được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L, ông Lê Xuân K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Lê Xuân K.
2. Về án phí: Bà Trần Thị L được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Lê Xuân K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chỉ cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (CNKH số 641 ngày 17/10/1977);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

